

Số: 167/SCID

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 7 năm 2017

"V/v công bố thông tin  
BCTC riêng Quý 2 năm 2017"

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GD&ĐT HÀ NỘI**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Co.op (SCID)

Trụ sở chính: 56 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (08) 38360143

Fax: (08) 38225457

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Tranh

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (08) 38360143

Fax: (08) 38225457

Loại thông tin công bố:  24h  Định kỳ  Bất thường  Yêu cầu

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm 2017.

Chúng tôi cũng đã công bố thông tin báo cáo này trên trang thông tin điện tử của Công ty: [www.scid-jsc.com](http://www.scid-jsc.com).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu VT.



**Nguyễn Thị Tranh**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP**

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2**

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (ước thực hiện)	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>560.063.334.584</b>	<b>688.057.104.744</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.1	<b>229.577.074.969</b>	<b>636.593.223.029</b>
1. Tiền	111		7.597.372.896	4.702.967.216
2. Các khoản tương đương tiền	112		221.979.702.073	631.890.255.813
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120		<b>9.392.512.146</b>	<b>8.925.413.819</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	9.392.512.146	8.925.413.819
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>309.957.272.622</b>	<b>42.400.715.842</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	5.114.367.479	26.304.033.390
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	-	10.683.137.720
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	300.000.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	4.842.905.143	5.413.544.732
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>11.136.474.847</b>	<b>137.752.054</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	196.638.303	64.641.454
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.475.584.807	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	464.251.737	73.110.600
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP

.....❧❧.....

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## QUÝ 2

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

2017



Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017  
**Bảng cân đối kế toán quý 2 (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
			(trước thực hiện)	
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.629.145.276.633</b>	<b>1.502.786.833.449</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.000.032.000</b>	<b>1.000.032.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	1.000.032.000	1.000.032.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.986.125.993</b>	<b>7.591.586.866</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	8.505.742.660	7.049.353.533
- Nguyên giá	222		12.090.601.266	9.886.601.266
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.584.858.606)	(2.837.247.733)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	480.383.333	542.233.333
- Nguyên giá	228		698.500.000	698.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(218.116.667)	(156.266.667)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.11</b>	<b>150.954.155.776</b>	<b>26.740.806.092</b>
- Nguyên giá	231		160.418.378.179	35.289.056.455
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(9.464.222.403)	(8.548.250.363)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>489.997.996.992</b>	<b>497.737.871.364</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	489.997.996.992	497.737.871.364
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>977.319.247.751</b>	<b>969.167.816.495</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	141.300.000.000	145.800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	847.784.576.518	847.784.576.518
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	2.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(11.765.328.767)	(26.416.760.023)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>887.718.121</b>	<b>548.720.632</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	887.718.121	548.720.632
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.189.208.611.217</b>	<b>2.190.843.938.193</b>



Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017  
 Bảng cân đối kế toán quý 2 (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (ước thực hiện)	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>189.197.322.366</b>	<b>134.187.831.120</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>82.535.029.866</b>	<b>27.525.538.620</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	1.971.285.674	1.397.150.608
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.367.852.735	4.284.180.412
4. Phải trả người lao động	314	V.15	29.000.000	12.677.143.479
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	28.996.786	29.782.044
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a,c	70.422.612.810	676.729.864
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	8.715.281.861	8.460.552.213
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>106.662.292.500</b>	<b>106.662.292.500</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b,c	106.662.292.500	106.662.292.500
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

3492  
 ĐÔNG  
 PH  
 PH  
 GON  
 PHC

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017  
**Bảng cân đối kế toán quý 2 (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (ước thực hiện)	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.000.011.288.851</b>	<b>2.056.656.107.073</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2.000.011.288.851</b>	<b>2.056.656.107.073</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	819.078.450.685	814.959.218.216
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	180.932.838.166	241.696.888.857
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		167.000.612.760	241.696.888.857
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		13.932.225.406	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.189.208.611.217</b>	<b>2.190.843.938.193</b>



TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2017

Tạ Ngọc Thảo  
 Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng  
 Kế toán trưởng



Tổng giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP**

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2**

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

(Dạng đầy đủ)

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 năm nay (ước thực hiện)	Quý 2 năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
					Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	3.622.839.517	5.039.696.673	14.627.289.961	17.037.032.622
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	3.622.839.517	5.039.696.673	14.627.289.961	17.037.032.622
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.066.769.949	1.468.334.766	2.903.988.040	9.343.988.916
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.556.069.568	3.571.361.907	11.723.301.921	7.693.043.706
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.138.840.086	13.346.525.584	16.716.494.382	21.847.915.302
7. Chi phí tài chính	22		(14.651.431.256)	(4.702.688.710)	(14.651.431.256)	(4.702.688.710)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	385.736.980	233.014.924	422.796.632	257.578.361
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7.115.463.461	7.386.919.216	13.513.432.877	16.830.626.048
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.845.140.469	14.000.642.061	29.154.998.050	17.155.443.309
11. Thu nhập khác	31	VI.6	504.595.455	521.868.183	1.038.151.973	1.124.266.738
12. Chi phí khác	32	VI.7	3.000.000		17.795.100	5.347.621
13. Lợi nhuận khác	40		501.595.455	521.868.183	1.020.356.873	1.118.919.117
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.346.735.924	14.522.510.244	30.175.354.923	18.274.362.426
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	3.414.510.518	1.298.925.567	5.996.326.651	1.301.308.425
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>13.932.225.406</u>	<u>13.223.584.677</u>	<u>24.179.028.272</u>	<u>16.973.054.001</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					


Tạ Ngọc Thảo  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng  
Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2017

  
 Tổng giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP**

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2**

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

**Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		-	-
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(120.320.243.644)	(5.774.691.552)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(16.837.085.892)	(13.002.805.670)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(8.000.000.000)	(5.574.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		179.605.612.343	193.720.102.556
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(154.162.287.462)	(158.191.995.203)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(119.714.004.655)</b>	<b>11.176.610.131</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.038.151.973	1.124.266.738
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.703.559.194.565)	(1.057.587.186.440)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.404.072.529.075	1.057.587.086.440
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(34.617.500.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		4.500.000.000	60.117.819
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.816.433.722	8.273.928.099
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(277.132.079.795)</b>	<b>(25.159.287.344)</b>





CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Thu tiền từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.170.063.610)	(9.653.198)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(10.170.063.610)</b>	<b>(9.653.198)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(407.016.148.060)</b>	<b>(13.992.330.411)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>636.593.223.029</b>	<b>419.130.840.273</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>229.577.074.969</b>	<b>405.138.509.862</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2017

  
 Tạ Ngọc Thảo  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Thị Hồng  
 Kế toán trưởng



  
 Nguyễn Thị Thanh  
 Tổng giám đốc

N: 030  
 C  
 C  
 ĐẤU  
 SÀI  
 GÒN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2**  
**Ước thực hiện Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần đầu tư phát triển Sài Gòn Co-op (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: đầu tư xây dựng, kinh doanh trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng; cho thuê mặt bằng và tài sản.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong quý có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Công ty cổ phần đầu tư phát triển Sài Gòn Co-op đang triển khai công tác tái cấu trúc hoạt động kinh doanh trong thời gian tới theo định hướng: không đầu tư vào hoạt động bán lẻ Co.opmart mà chuyển sang đầu tư trung tâm thương mại, trung tâm thương mại chuyên dùng, Outlet, các dự án bất động sản phức hợp, các dịch vụ tư vấn thiết kế, giám sát, pháp lý, quản lý dự án, giới thiệu mặt bằng cho Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh. Để thực hiện theo định hướng này, Công ty sẽ:

- Chuyển nhượng vốn đầu tư tại các công ty liên kết hoạt động bán lẻ Co.opmart cho Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh.
- Nhận chuyển nhượng vốn đầu tư tại các công ty liên kết đầu tư vào Trung tâm thương mại hoặc dự kiến sẽ đầu tư vào Trung tâm thương mại từ Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh.
- Chuyển nhượng bất động sản hoặc quyền cho thuê bất động sản đã đầu tư siêu thị Co.opmart và đang cho Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh thuê kinh doanh bán lẻ Co.opmart.
- Nhận chuyển nhượng bất động sản hoặc quyền cho thuê bất động sản đã đầu tư Trung tâm thương mại hoặc dự kiến sẽ đầu tư vào Trung tâm thương mại từ Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2017 (tiếp theo)

### 6. Cấu trúc Công ty

#### Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH SCID 23/9	56 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM	Xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH SCID – Hòa Bình	Số 175 Hòa Bình, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư xây dựng; xây dựng nhà các loại; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê.	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV thương mại Sài Gòn - Bến Tre	Số 26A đường Trần Quốc Tuấn, phường 4, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị Co.op Mart	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Bình Dương	Đường 30 tháng 4, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị Co.op Mart	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV TM – DV Sài Gòn Tân An	01 Mai Thị Tốt, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị Co.op Mart	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH TM – DV Sài Gòn – Bà Rịa	TTTM, Siêu Thị Co.opmart, P. Phước Trung, Tp. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng tàu	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị Co.op Mart	100,00%	100,00%	100,00%



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2017 (tiếp theo)**

## Các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ		
			Tỷ lệ vốn góp	phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Cà Mau	09 Trần Hưng Đạo, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị Co.op Mart	36,75%	36,75%	36,75%
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Cần Thơ	Số 01 Đại lộ Hoà Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị Co.op Mart	34,00%	34,00%	34,00%
Công ty TNHH đầu tư quốc tế Sài Gòn Co.op	Lầu 3, số 199-205, đường Nguyễn Thái Học, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị Co.op Mart	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty TNHH TMDV siêu thị Co.opmart Biên Hòa	121 Phạm Văn Thuận, P.Tân Tiến, TP. Biên Hòa – Đồng Nai	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị Co.op Mart	29,00%	29,00%	29,00%
Công ty cổ phần phát triển khu phức hợp thương mại Vietsin	Khu phức hợp số 2, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê	36,00%	36,00%	36,00%



## 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc Quý 2 của năm tài chính Công ty có 63 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 63 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2017 (tiếp theo)**

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 3. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.





## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thu Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2017 (tiếp theo)**

---

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc Quý 2. Trường hợp tại ngày kết thúc Quý 2 thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc Quý 2.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc Quý 2 được ghi nhận vào chi phí tài chính.

530/  
CỔ  
CỔ  
1 TL  
A I  
7-7



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2017 (tiếp theo)**

---

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết*

#### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

#### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP**

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2017 (tiếp theo)**

---

### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc Quý 2 được ghi nhận vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp.

### **5. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Chi phí sửa chữa*

Chi phí sửa chữa văn phòng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Chi phí cải tạo*

Chi phí cải tạo được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá thời gian thuê mặt bằng.

### **6. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2017 (tiếp theo)

### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08

### 8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2017 (tiếp theo)**

chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	39
Nhà	25 - 30

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP**

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2017 (tiếp theo)**

---

### **11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc Quý 2.

### **12. Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### **13. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2017 (tiếp theo)

---

### 14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.





## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP**

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2017 (liếp theo)**

---

- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### **17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### **18. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

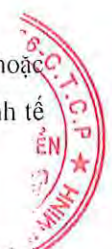
Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

### **19. Công cụ tài chính**

#### ***Tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay và các công cụ tài chính không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP**

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2017 (tiếp theo)**

---

### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### ***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP**

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2017 (liếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ 2 NĂM 2017****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	280.277.615	103.768.287
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.317.095.281	4.599.198.929
Các khoản tương đương tiền <sup>(*)</sup>	221.979.702.073	631.890.255.813
<b>Cộng</b>	<b><u>229.577.074.969</u></b>	<b><u>636.593.223.029</u></b>

(\*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng

**2. Các khoản đầu tư tài chính****2a) Chứng khoán kinh doanh**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chứng khoán kinh doanh	9.392.512.146	8.925.413.819
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>9.392.512.146</u></b>	<b><u>8.925.413.819</u></b>

**2b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>141.300.000.000</b>	<b>(11.650.944.845)</b>	<b>145.800.000.000</b>	<b>(11.650.944.845)</b>
Công ty TNHH SCID 23/9 <sup>(i)</sup>	10.200.000.000	-	10.200.000.000	-
Công ty TNHH SCID - Hòa Bình <sup>(ii)</sup>	12.500.000.000	(11.650.944.845)	17.000.000.000	(11.650.944.845)
Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn – Bến Tre <sup>(iii)</sup>	44.600.000.000	-	44.600.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn – Bình Dương <sup>(iv)</sup>	37.000.000.000	-	37.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn – Bà Rịa <sup>(v)</sup>	17.000.000.000	-	17.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Sài Gòn – Tân An <sup>(vi)</sup>	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-

03  
C  
C  
IT  
/

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP**

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2017 (tiếp theo)**

<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>847.784.576.518</b>	<b>(114.383.922)</b>	<b>847.784.576.518</b>	<b>(14.765.815.178)</b>
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn – Cà Mau <sup>(ix)</sup>	34.545.000.000	(114.383.922)	34.545.000.000	-
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn – Cần Thơ <sup>(x)</sup>	27.200.000.000	-	27.200.000.000	(349.928.911)
Công ty cổ phần phát triển khu phức hợp thương mại Vietsin <sup>(xi)</sup>	754.099.056.000	-	754.099.056.000	(14.038.128.566)
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Sài Gòn Co.op <sup>(xii)</sup>	24.500.000.000	-	24.500.000.000	(377.757.701)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Siêu thị Co.opmart Biên Hòa <sup>(xv)</sup>	7.440.520.518	-	7.440.520.518	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH Nova An Phú	-	-	2.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>989.084.576.518</b>	<b>(11.765.328.767)</b>	<b>995.584.576.518</b>	<b>(26.416.760.023)</b>

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313761299, chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 04 năm 2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH SCID 23/9 10.200.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310494020, chứng nhận thay đổi lần 03 ngày 11 tháng 6 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH SCID - Hòa Bình 17.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000969020 ngày 20 tháng 5 năm 2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 04 ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, Biên bản họp hội đồng thành viên số 09/CM ngày 01/02/2016 Công ty đầu tư vào Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Cà Mau 34.545.000.000 VND, tương đương 36,75% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc Quý 2 của năm tài chính, Công ty đã đầu tư 34.545.000.000 VND, tương đương 36,75% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800502219 ngày 08 tháng 11 năm 2012, chứng nhận thay đổi lần thứ 15 ngày 14 tháng 6 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Cần thơ 27.200.000.000 VND, tương đương 34,00% vốn điều lệ.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310384927 ngày 15 tháng 10 năm 2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 13 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH đầu tư quốc tế Sài Gòn Co.op 24.500.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4702001225, chứng nhận thay đổi lần thứ 11 ngày 26 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH thương mại dịch vụ Co.opmart Biên Hòa 7.440.520.518 VND, tương đương 29% vốn điều lệ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2017 (tiếp theo)

- (vii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500822701, chứng nhận thay đổi lần thứ 7 ngày 13 tháng 9 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn- Bà Rịa 17.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.
- (viii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700847333, chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 3 tháng 11 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ Sài Gòn- Bình Dương 37.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.
- (ix) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300419650 chứng nhận thay đổi lần thứ 8 ngày 26 tháng 8 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV thương mại Sài Gòn- Bến Tre 44.600.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.
- (x) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1100798169 chứng nhận thay đổi lần thứ 6 ngày 05 tháng 9 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV thương mại Dịch vụ Sài Gòn- Tân An 20.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.
- (xi) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411032000083, chứng nhận thay đổi lần thứ 03 ngày 17 tháng 6 năm 2013 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần phát triển Khu phức hợp Vietsin 754.099.056.000 VND, tương đương 36,00% vốn điều lệ.
- (xii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 0313568859 do Sở Kế hoạch Và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh , cấp ngày ngày 09 tháng 12 năm 2015, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Nova An Phú 2.000.000.000 VND, tương đương 10,00% vốn điều lệ.

### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Quý 2	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước
Số đầu năm	26.416.760.023	46.643.000.417
Trích lập dự phòng bổ sung (từ đầu năm đến cuối kỳ)	114.383.922	5.875.550
Hoàn nhập dự phòng (từ đầu năm đến cuối kỳ)	(14.765.815.178)	(8.244.473.441)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>11.765.328.767</b>	<b>38.404.402.526</b>

100  
TY  
AN  
CO.  
100



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP**

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2017 (tiếp theo)****3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<u>5.114.367.479</u>	<u>25.105.473.390</u>
Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh	2.715.126.069	19.372.393.686
Công ty CP Phát triển Khu Phức hợp TM Vietsin	-	5.733.079.704
Cty TNHH MTV TM Sài Gòn Bến Tre (phí dịch vụ tư vấn quản lý)	2.387.006.493	-
Cty CP Chíp sáng	12.234.917	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<u>-</u>	<u>1.198.560.000</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>5.114.367.479</u></b>	<b><u>26.304.033.390</u></b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	<u>-</u>	<u>10.683.137.720</u>
Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh	-	10.683.137.720
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>10.683.137.720</u></b>

**5. Cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh	300.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>300.000.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

**6. Phải thu khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<u>54.900.220</u>	<u>-</u>	<u>95.470.096</u>	<u>-</u>
Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh (các khoản chi hộ)	54.900.220	-	95.470.096	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<u>4.788.004.923</u>	<u>-</u>	<u>5.318.074.636</u>	<u>-</u>
Các khoản ký quỹ ngắn hạn và khác	372.972.603	-	387.968.466	-
Tạm ứng	425.200.000	-	327.000.000	-
Các khoản chi hộ	-	-	-	-
Lãi dự thu	3.989.832.320	-	4.603.106.170	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.842.905.143</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>5.413.544.732</u></b>	<b><u>-</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP**

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2017 (tiếp theo)****6b. Phải thu dài hạn khác**

Các khoản ký quỹ thuê mặt bằng dài hạn.

**7. Nợ xấu**

Công ty có các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu phí tư vấn quản lý dự án - Sense Bến Tre	Dưới 06 tháng	2.387.006.493	2.387.006.493	Dưới 06 tháng	3.637.006.493	3.637.006.493
Phải thu phí tư vấn quản lý dự án - Liên Hiệp	Dưới 06 tháng	2.230.365.970	2.230.365.970	Dưới 06 tháng	2.230.365.970	2.230.365.970
<b>Cộng</b>		<b>4.617.372.463</b>	<b>4.617.372.463</b>		<b>5.867.372.463</b>	<b>5.867.372.463</b>

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí đồng phục	32.320.727	64.641.454
Công cụ, dụng cụ	164.317.576	
<b>Cộng</b>	<b>196.638.303</b>	<b>64.641.454</b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	845.412.788	486.554.299
Chi phí sửa chữa	42.305.333	62.166.333
<b>Cộng</b>	<b>887.718.121</b>	<b>548.720.632</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP**

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2017 (tiếp theo)****9. Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	35.300.000	4.623.893.684	5.227.407.582	9.886.601.266
Thanh lý trong kỳ	-	-	-	-
Mua mới trong kỳ	-	2.204.000.000	-	2.204.000.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>35.300.000</b>	<b>6.827.893.684</b>	<b>5.227.407.582</b>	<b>12.090.601.266</b>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	136.475.000	136.475.000
Chờ thanh lý	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu kỳ	2.941.667	1.955.230.515	1.243.697.654	3.201.869.836
Khấu hao trong kỳ	2.941.667	133.964.009	246.083.094	382.988.770
Thanh lý trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.883.334</b>	<b>2.089.194.524</b>	<b>1.489.780.748</b>	<b>3.584.858.606</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	32.358.333	2.668.663.169	3.983.709.928	6.684.731.430
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>29.416.666</b>	<b>4.738.699.160</b>	<b>3.737.626.834</b>	<b>8.505.742.660</b>
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP**

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2017 (tiếp theo)****10. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu kỳ	698.500.000	698.500.000
Thanh lý trong kỳ	-	-
Mua mới trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<u>698.500.000</u>	<u>698.500.000</u>
<i>Trong đó:</i>		
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	80.000.000	80.000.000
Chờ thanh lý	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>		
Số đầu kỳ	187.191.667	187.191.667
Khấu hao trong kỳ	30.925.000	30.925.000
Thanh lý trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<u>218.116.667</u>	<u>218.116.667</u>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu kỳ	511.308.333	511.308.333
<b>Số cuối kỳ</b>	<u>480.383.333</u>	<u>480.383.333</u>
<i>Trong đó:</i>		
Tạm thời chưa sử dụng	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-

49210  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ PHÁT  
TRIỂN SÀI  
GÒN  
-T.P.H

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP**

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2017 (tiếp theo)****11. Bất động sản đầu tư****11a. Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Nhà</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	5.530.000.000	29.759.056.455	35.289.056.455
Mua mới trong kỳ	22.528.582.064	102.600.739.660	125.129.321.724
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>28.058.582.064</b>	<b>132.359.796.115</b>	<b>160.418.378.179</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-	-	-
Số đầu kỳ	519.914.529	8.323.633.925	8.843.548.454
Khấu hao trong kỳ	75.822.521	544.851.428	620.673.949
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>595.737.050</b>	<b>8.868.485.353</b>	<b>9.464.222.403</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	5.010.085.471	21.435.422.530	26.445.508.001
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.934.262.950</b>	<b>123.491.310.762</b>	<b>150.954.155.776</b>

**11b. Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc Quý 2 như sau:**

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Quyền sử dụng đất - 253 Điện Biên Phủ, phường 07, quận 3, TP. Hồ Chí Minh	5.530.000.000	555.363.247	4.974.636.753
Nhà cửa vật kiến trúc - 253 Điện Biên Phủ, phường 07, quận 3, TP. Hồ Chí Minh	29.759.056.455	8.583.483.298	21.175.573.157
Quyền sử dụng đất - 102 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.01, TP.HCM	22.528.582.064	40.373.803	22.488.208.261
Nhà cửa vật kiến trúc - 102 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.01, TP.HCM	102.600.739.660	285.002.055	102.315.737.605
<b>Cộng</b>	<b>160.418.378.179</b>	<b>9.464.222.403</b>	<b>150.954.155.776</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP**

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2017 (tiếp theo)****12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào BĐSĐT trong kỳ</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu đô thị phát triển quận 2, TP. Hồ Chí Minh	461.277.136.610	30.000.000	-	-	461.307.136.610
Nhà 102 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	15.516.055.600	-	15.333.900.000	182.155.600	-
Dự án BMC Vinh - Plaza	15.848.400.000	-	-	-	15.848.400.000
Dự án Co.opmart Gò Công	631.636.365	-	-	-	631.636.365
Dự án Co.opmart Long An	10.518.930.714	1.691.893.303	-	-	12.210.824.017
<b>Cộng</b>	<b>503.792.159.289</b>	<b>1.721.893.303</b>	<b>15.333.900.000</b>	<b>182.155.600</b>	<b>489.997.996.992</b>

**13. Phải trả người bán ngắn hạn****13a. Phải trả người bán ngắn hạn:**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty liên doanh Fuji Alpha	687.200.000	687.200.000
Công ty liên doanh Fuji Alpha - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	250.021.446	324.642.893
Cty CP Xây Dựng Và Tư Vấn Đầu Tư	258.905.507	
Cty CP Tư Vấn Xây Dựng Tổng Hợp	134.100.000	
CTY CP PHÁT TRIỂN CƠ ĐIỆN AN PHONG	103.087.860	
TỔNG CTY THÉP VIỆT NAM - CTCP	243.764.366	
CTY TNHH SCHINLER VIỆT NAM	260.425.000	
Các nhà cung cấp khác	33.781.495	385.307.715
<b>Cộng</b>	<b>1.971.285.674</b>	<b>1.397.150.608</b>

**13b. Nợ quá hạn chưa thanh toán: (Bảo hành 5%)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty liên doanh Fuji Alpha	687.200.000	687.200.000
Công ty liên doanh Fuji Alpha - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	250.021.446	324.642.893
Các nhà cung cấp khác	33.781.495	53.195.960
<b>Cộng</b>	<b>971.002.941</b>	<b>1.065.038.853</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP**

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2017 (tiếp theo)****14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ (ước thực hiện)		Số cuối kỳ (ước thực hiện)	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	132.383.063	-	310.453.441	442.836.504	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	553.342.217	-	3.414.510.518	2.600.000.000	1.367.852.735	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	437.469.507	396.436.279	386.663.209	-	427.696.437
Tiền thuê đất	-	73.110.600	36.555.300		-	36.555.300
<b>Cộng</b>	<b>685.725.280</b>	<b>510.580.107</b>	<b>4.157.955.538</b>	<b>3.429.499.713</b>	<b>1.367.852.735</b>	<b>464.251.737</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Nước: 05%
- Dịch vụ khác: 10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:**

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.346.735.924	14.522.510.244
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	68.666.667	112.852.379
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	17.415.402.591	14.635.362.623
Thu nhập được miễn thuế	(342.850.000)	(8.136.182.816)
Lỗi quý trước chuyển sang		(4.551.972)
Thu nhập tính thuế	17.072.552.591	6.494.627.835
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>3.414.510.518</b>	<b>1.298.925.567</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP**

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2017 (tiếp theo)**

loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**15. Phải trả người lao động**

Tiền lương, thưởng phải trả cho người lao động.

**16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
CTY CP ĐẦU TƯ BIZMAN	28.996.786	29.782.044
<b>Cộng</b>	<b><u>28.996.786</u></b>	<b><u>29.782.044</u></b>

**17. Phải trả khác****17a. Phải trả ngắn hạn khác**

Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN		
Nhận ký quỹ ngắn hạn	55.000.000	120.000.000
Cổ tức phải trả	70.144.189.070	428.181.670
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	178.657.137	83.150.000
<b>Cộng</b>	<b><u>70.422.612.810</u></b>	<b><u>676.729.864</u></b>

**17b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b><u>2.170.000.000</u></b>	<b><u>2.170.000.000</u></b>
Công ty TNHH MTV Co.opmart Vĩnh Phúc - Phải trả tiền nhận ký quỹ dài hạn	2.170.000.000	2.170.000.000
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b><u>104.492.292.500</u></b>	<b><u>104.492.292.500</u></b>
Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư địa ốc Nova - đặt cọc thực hiện hợp đồng	-	102.500.000.000
Cty TNHH Nova An Phú	102.500.000.000	-
Phải trả tiền nhận ký quỹ dài hạn	1.992.292.500	1.992.292.500
<b>Cộng</b>	<b><u>106.662.292.500</u></b>	<b><u>106.662.292.500</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP**

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2017 (tiếp theo)****17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng,	8.344.063.084	823.846.494	452.627.717	8.715.281.861
Quỹ phúc lợi				
<b>Cộng</b>	<b>8.344.063.084</b>	<b>823.846.494</b>	<b>452.627.717</b>	<b>8.715.281.861</b>

**19. Vốn chủ sở hữu****19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	1.000.000.000.000	814.959.218.216	241.696.888.857	2.056.656.107.073
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	10.246.802.866	10.246.802.866
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>1.000.000.000.000</b>	<b>814.959.218.216</b>	<b>251.943.691.723</b>	<b>2.066.902.909.939</b>
Số dư đầu kỳ này	1.000.000.000.000	814.959.218.216	251.943.691.723	2.066.902.909.939
Lợi nhuận trong kỳ (ước thực hiện)	-	-	13.932.225.406	13.932.225.406
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	4.119.232.469	(4.943.078.963)	(823.846.494)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	(80.000.000.000)	(80.000.000.000)
<b>Số dư cuối Kỳ này</b>	<b>1.000.000.000.000</b>	<b>819.078.450.685</b>	<b>180.932.838.166</b>	<b>2.000.011.288.851</b>

**19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh	968.950.960.000	968.950.960.000
Các cổ đông khác	31.049.040.000	31.049.040.000
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP**

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2017 (tiếp theo)****19c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10000 VND.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Quý 2</u>		<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ</u>	
	<u>Năm nay (ước thực hiện)</u>	<u>Năm trước</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu tư vấn quản lý	-	2.345.514.124	7.467.617.232	-
Doanh thu cho thuê mặt bằng	3.622.839.517	2.694.182.549	7.159.672.729	6.541.678.113
Doanh thu khác	-	-	-	5.455.657.836
<b>Cộng</b>	<b>3.622.839.517</b>	<b>5.039.696.673</b>	<b>14.627.289.961</b>	<b>11.997.335.949</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP**

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2017 (tiếp theo)****1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Liên Hiệp HTX TM TP.HCM				
- Cho thuê mặt bằng	1.322.072.997	1.504.851.195	2.644.145.994	2.670.549.966
- Tư vấn quản lý	-	24.478.236	2.027.605.427	24.478.236
Cty CP Chíp Sáng	1.737.985.958	1.614.605.210	3.390.971.477	3.143.024.552
Cty TNHH MTV Co.opmart Vĩnh Phúc	541.920.000	(237.283.200)	541.920.000	3.537.676.800
Cty TNHH MTV TM Saigon – Bến Tre	-	-	3.306.369.539	-
Cty TNHH TM Saigon - Cần Thơ	-	2.133.045.232	2.133.642.266	2.133.045.232

**2. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của dịch vụ cho thuê mặt bằng và tài sản đã cung cấp. Chi tiết như sau:

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng	2.066.769.949	1.173.036.675	2.903.988.040	3.860.305.716
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	-	295.298.091	-	5.483.683.200
<b>Cộng</b>	<b>2.066.769.949</b>	<b>1.468.334.766</b>	<b>2.903.988.040</b>	<b>9.343.988.916</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	7.739.044.375	5.188.274.779	16.305.249.340	9.877.716.806
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	56.945.711	22.067.989	68.395.042	65.697.238
Cổ tức, lợi nhuận được chia	342.850.000	8.136.182.816	342.850.000	11.904.501.258
<b>Cộng</b>	<b>8.138.840.086</b>	<b>13.346.525.584</b>	<b>16.716.494.382</b>	<b>21.847.915.302</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP**

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2017 (tiếp theo)****4. Chi phí bán hàng**

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	385.736.980	233.014.924	422.796.632	257.578.361
<b>Cộng</b>	<b>385.736.980</b>	<b>233.014.924</b>	<b>422.796.632</b>	<b>257.578.361</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.201.932.926	5.047.272.909	8.144.657.400	12.108.540.399
Chi phí vật liệu, đồ dùng VP	128.866.893	74.033.516	208.388.662	255.932.070
Chi phí khấu hao TSCĐ	413.913.770	329.826.716	809.460.873	465.764.901
Thuế, phí và lệ phí	76.000.000	-	91.000.000	21.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.147.442.035	969.248.566	1.787.525.425	1.811.417.770
Các chi phí khác	1.147.307.837	966.537.509	2.472.400.517	2.167.970.908
<b>Cộng</b>	<b>7.115.463.461</b>	<b>7.386.919.216</b>	<b>13.513.432.877</b>	<b>16.830.626.048</b>

**6. Thu nhập khác**

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	500.000.000	500.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Thu nhập khác	4.595.455	21.868.183	38.151.973	124.266.738
<b>Cộng</b>	<b>504.595.455</b>	<b>521.868.183</b>	<b>1.038.151.973</b>	<b>1.124.266.738</b>

**7. Chi phí khác**

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	3.000.000	-	17.795.100	5.347.621
<b>Cộng</b>	<b>3.000.000</b>	<b>-</b>	<b>17.795.100</b>	<b>5.347.621</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2017 (tiếp theo)

### 8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	128.866.893	74.033.516	208.388.662	255.932.070
Chi phí nhân công	4.201.932.926	5.047.272.909	8.144.657.400	12.108.540.399
Chi phí khấu hao TSCĐ	709.211.861	759.470.588	1.400.057.055	1.325.052.645
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.304.650.873	2.007.939.460	4.523.713.915	10.553.697.303
Chi phí khác	1.223.307.837	1.199.552.433	2.563.400.517	2.188.970.908
<b>Cộng</b>	<b>9.567.970.390</b>	<b>9.088.268.906</b>	<b>16.840.217.549</b>	<b>26.432.193.325</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2017

Tạ Ngọc Thảo  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng  
Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc

